BỘ GIÁO ÁN – SGK KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN

A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

\* Đọc hiểu các văn bản:

-VB1: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài).

-VB2: *Nếu cậu muốn có một người bạn* (trích *Hoàng tử bé*, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri).

-VB3: *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh).

-VB thực hành đọc: *Những người bạn (Trích Tôi là Bê-tô*, Nguyễn Nhật Ánh)

\* Thực hành tiếng Việt.

- Từ đơn, từ phức, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ.

2. Viết:

Kể lại một trải nghiệm của bản thân (hình thức một bài văn).

3. Nói và nghe.

Kể lại một trải nghiệm của bản thân (hình thức một bài nói ).

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 16 tiết – KHGD:

1. Đọc và thực hành tiếng Việt: 9 tiết.
2. Viết: 5 tiết.
3. Nói và nghe: 2 tiết.

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi kể thứ nhất

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

- Biết cách viết một bài văn kể lại một trải nghệm của bản thân, biết viết văn bản đảm bảo các bước.

- Biểt cách kể lại một trải nghệm đối với bản thân.

2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | MỤC TIÊU | MÃ HÓA |
| NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết | | |
| 1 | Biết cách tìm và chỉ ra những đặc điểm của nhân vật của nhân vật trong truyện đọc. | Đ1 |
| 2 | Chỉ ra được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong văn bản. | Đ2 |
| 3 | Nhận xét được những chi tiết tiêu biểu, quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | Đ3 |
| 4 | Nhận xét được ý nghĩa của hai văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* và *Nếu cậu muốn có một người bạn* (giá trị nội dung của văn bản) và ý nghĩa bài thơ của Nguyễn Thế Hoàng Linh. | Đ4 |
| 5 | Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố nghệ thuật như cách kể chuyện sinh động, nhân hóa con vật như con người... | Đ5 |
| 6 | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các nhân vật, biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân tại sao lại yêu hoặc ghét nhân vật trong văn bản. | N1 |
| 7 | Có khả năng tạo lập một văn bản tự sự : kể lại một truyện về một trải nghiệm đối với bản thân; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một nhân vật trong truyện | V1 |
| 8 | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một nhân vật trong truyện . | V2 |
| NĂNG LỰC CHUNG: GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ | | |
| 9 | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | GT-HT |
| 10 | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | GQVĐ |
| PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI | | |
| 11 | - Có thái độ trân trọng, vun đắp, giữ gìn tình bạn, xây dựng tình bạn đẹp, vô tư, trong sáng, giúp đỡ những người bạn không may mắn..  - Biết lên án thói xấu trong xã hội.  - Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện. | TN  TT  NA |

Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:

- Đ: Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

- N: Nghe – nói (1,2: mức độ)

- V: Viết (1,2: mức độ)

- GT-HT: Giao tiếp – hợp tác.

- GQVĐ: Giải quyết vấn đề.

- TN: trách nhiệm.

- TT: Trung thực.

- NA: Nhân ái

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

- Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Văn bản Bài học đường đời đầu tiê

















|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  Nhiệm vụ: Đọc phần (1) văn bản Bài học đường đời đầu tiên (từ đầu đến có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi) và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ, cụm từ phù hợp vào chỗ trống: | | | | | |  |
|  | Dế Mèn tự miêu tả hình thức của mình  -càng...............................................  -vuốt................................................  -cánh...............................................  -răng.............................................. |  | | | Hành động của Dế Mèn  ................................................  ................................................  ................................................  ................................................  ................................................ |
|  | |  |  | |
| Dế mèn tự đánh giá về  bản thân  ..........................................................  ..........................................................  .......................................................... | | Quan hệ của Dế Mèn với bà con hàng xóm  ....................................................  ...................................................  ................................................... | |
| 2. Từ đó, em rút ra đặc điểm của nhân vật Dế Mèn:  ......................................................................................................................  ......................................................................................................................  ...................................................................................................................... | | | | | |

PHIẾU HỌC TẬP

Văn bản Nếu cậu muốn có một người bạn

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trình tự | Lời thoại/ chi tiết | Nhận xét |
| Trước khi gặp cáo | + Hoàng tử bé đến từ............  + Cậu phát hiện ra.................  + Nằm.................................... | Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo?. |
| Khi gặp cáo | - Ban đầu:...........................  - Cuộc đối thoại với cáo:......  - Cảm hóa cáo:...........................  - Gặp lại vườn hồng:.................. | Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo?......................................  Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào?  .........................................................  Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo?...................................................  Khi gặp lại vườn hồng, thái độ cảu hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?............................. |
| Khi chia tay con cáo | - Động viên cáo:........................  - Lặp lại lời cáo:.........................  ................................................... | Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo?............................  .................................................................. |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tìm hiểu và phân tích nhân vật cáo

*Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cảm nhận của cáo | Trước khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | Sau khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| *Khi nghe tiếng bước chân* | ............................................  ............................................ | ............................................  ............................................ |
| *cánh đồng lúa mì* | ............................................  ............................................ | ............................................  ............................................ |
| *Cuộc sống* | ............................................ | ............................................  ............................................ |

2. Học sinh.

- Đọc văn bản theo hướng dẫn Chuẩn bị đọc trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN  1. *Bài học đường đời đầu tiên*  2. *Nếu cậu muốn có một người bạn.*  *3. Bắt nạt.*  *4. Những người bạn*  II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  III. VIẾT  *Viết văn tự sự*  IV. NÓI VÀ NGHE | - Xác định được ngôi kể thứ nhất, nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn.  - Nắm được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật là con vật, đồ vật được nhân hóa, ngôn ngữ miêu tả sinh động.  - Nắm được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật hoàng tử bé và cáo  - Nắm được đặ điểm của truyện đồng thoại còn ở ngôn ngữ đối thoại sinh động, giàu chất tưởng tượng.  - Nhận biết được sự khác nhau về thể loại VB truyện và VB thơ.  - Nhận biết được nội dung, chủ đề bài thơ  - Liệt kê được cụm từ lặp đi lặp lại.  - Nhận biết được ngôi kể, cách người kể chuyện trong truyện đồng thoại. Nhận biết nhân vật thông qua lời nói, cử chỉ hành động  - Nhận biết được kiểu cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)  - Nhận biết được nghĩa của từ ngữ, từ Hán Việt  - Nhận biết được phép tu từ so sánh, nhân hóa,  - Nắm được yêu cầu cơ bản của việc viết một bài văn tự sự kể trải nghiệm.  Nắm được yêu cầu cơ bản của việc nói, nghe một bài văn tự sự kể trải nghiệm | Phân tích, đánh giá được những đặc điểm tiêu biểu của các nhân vật Dế Mèn.  Phân tích một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật. Cảm nhận được nội dung đoạn trích  - Thấy được hiệu quả của cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh diễn tả tình cảm, nhận thức của nhà thơ về hành vi bắt nạt.  Cảm nhận được suy nghĩ của nhân vật tôi về hai người bạn.  - Phân biệt được từ đơn- từ phức, từ ghép- từ láy. Hiệu quả của việc sử dụng từ láy.  - Giải thích nghĩa được một số thành ngữ, từ Hán Việt,  - Phân tích tác dụng của phép tu từ sơ sánh, nhân hóa  - Biết cách viết bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân  - Cách trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | - Vận dụng hiểu biết về nội dung của hai truyện đồng thoại để phân tích, cảm nhận về ý nghĩa câu chuyện, ý nghĩa những chi tiết tiêu biểu...  - Cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, có ý thức trách nhiệm với bạn bè...  - Cảm nhận về những chi tiết, hình ảnh nổi bật trong bài thơ.  - Cảm nhận về ý nghĩa của bài thơ.  - Thông điệp về tình bạn mà em nhận được  Viết đoạn văn ngắn có sử dụng từ loại phù hợp hiệu quả như láy, từ ghép có dung tích hợp với văn bản được học.  - Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  - Trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | - So sánh các nhân vật trong truyện này với nhân vật trong truyện: Dế Mèn với Dế Choắt - Trình bày những kiến giải riêng, phát hiện sáng tạo về các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Biết tự đọc và khám phá các giá trị của một câu chuyện mới cùng thể loại truyện đồng thoại.  - Vận dụng kiến thức đã học để hình thành lối sống nhân ái, khoan dung, khiêm tốn, giản dị; rút ra bài học về cách về cách ứng xử của bản thân với bạn bè, cách đối diện với lỗi lầm của bản thân  - Trình bày ý kiến , đánh giá về giá trị tư tưởng của bài thơ.  - Vận dụng kiến thức đã học để hình thành lối sống tich cực xây dựng môi trương học đường lành mạnh, hạnh phúc.  - Có ý thức tích cực, chủ động trong việc tìm chọn tác phẩm để đọc trong suốt quá trình.  - Có sáng tạo trong cách sử dụng từ, các biện pháp tu từ trong nói và viết.  - Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân có sức hấp dẫn riêng.  - Trình bày một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân tạo được sức cuốn hút với người nghe. |

D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.

1. Câu hỏi: Hiểu biết về truyện đồng thoại: nhân vật, chi tiết tưởng tượng...

2. Bài tập : Sơ đồ tư duy về bài học, vẽ tranh, đóng kịch…. (kết hợp trong hoặc sau tiết học).

3. Rubric

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tiêu chí | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về các truyện đồng thoại và bài thơ của trong SGK.  (3 điểm) | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (2 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (3 điểm) |
| Vẽ tranh về một nhân vật, một tình huống thực tiễn liên quan đến chủ đề ở VB vừa học (3 điểm) | Các nét vẽ không đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  (1 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  (2 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (3 điểm) |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về một đoạn văn bản, một tình huống thực tiễn liên quan đến chủ đề ở VB vừa học vừa hoc.  (4 điểm) | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  (2 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu . (3 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (4 điểm) |

E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động học  (Thời gian) | Mục tiêu | Nội dung dạy học trọng tâm | PP/KTDH chủ đạo | Phương án đánh giá |
| HĐ 1: Khởi động | Kết nối – tạo tâm thế tích cực. | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến chủ đề, nội dung truyện (thơ) được học | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | - Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| HĐ 2: Khám phá kiến thức | Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ | I. Tìm hiểu chung về truyện đồng thoại    II. Đọc hiểu văn bản.  1. *Bài học đường đời đầu tiên.*  2. *Nếu tôi muốn có một người bạn*.  3. *Bắt nạt.*  III. Thực hành Tiếng Việt.  IV. Viết (Kể lại một trải nghiệm của bản thân)  V. Nghe- nói:  *\*Thực hành đọc: Những người bạn.* | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| HĐ 3: Luyện tập | Đ3,Đ4,  Đ5,  GQVĐ | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| HĐ 4: Vận dụng | N1, V1, V2, GQVĐ | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| HĐ mở rộng  (tự học) | Mở rộng  hiểu biết về chủ đề | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*

1. Khi các em dời xa ngôi trường tiểu học, các em bước vào ngôi trường THCS, điều gì khiến em thú vị? Em đã làm quen và chơi với các bạn mới chưa? Em có gặp khó khăn gì không khi hòa mình với một môi trường mới.

2. Hãy chia sẻ với các bạn và cô.

*\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.*

*\* Bước 3: Nhận xét.*

*\* Bước 4: Cùng trải nghiệm, logic vấn đề với bài học mới:*

*Các em ạ! Khi đặt chân vào ngôi trường THCS chắc các em có rất nhiều bỡ ngỡ, thầy cô mới, bạn bè mới,...Nhưng những trải nghiệm này sẽ giúp các em khám phá bao điều thú vị về cuộc sống. Trong đó, trải nghiệm về những người bạn luôn là một trải nghiệm thú vị nhất của tuổi học trò. Tình bạn có ý nghĩa như nào với cuộc sống? Nó là món quà thú vị mà cuộc sống ban tặng cho con người, nó sưởi ấm tâm hồn ta và làm cho thế giới quanh ta luôn tươi đẹp. Hi vọng những câu chuyện chúng ta được học trong chủ đề*

*Tôi và các bạn sẽ giúp các em nhận thức được ý nghĩ của tình bạn, và học cách ứng xử với bạn bè các em nhé!*

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

(HS hiểu truyện đồng thoại, ý nghĩa của từng truyện đồng thoại trong SGK…)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Tìm hiểu truyện và truyện đồng thoại

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Làm việc cá nhân.  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  Em hãy kể tên một số truyện em đã đọc, chọn một chuyện yêu thích và chia sẻ kinh nghiệm khi đọc tác phẩm này, em chú ý đến những yếu tố nào?  - Ai là người kể chuyện trong tác phẩm? Người kể chuyện xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  - Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?  - Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu được đặc điểm của nhân vật đó?  - Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại. Chỉ ra những “dấu hiệu” nhận biết truyện đồng thoại.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  GV nhấn mạnh:  - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại.  - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc.  - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động…tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em. | 1. Truyện.  Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  2. Truyện đồng thoại.  Là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.  - Cốt truyện: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  - Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ...Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, đồ vật, con vật...  - Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba.  - Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật |

HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Em đã đọc các câu chuyện nào trong chủ đề *Tôi và các bạn*, hãy chỉ ra một số đặc điểm của truyện đồng thoại trong câu chuyện đó? Em ấn tượng với chi tiết miêu tả nào về nhân vật?

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung .

HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: GQVĐ

Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Kể tên các VB cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. Em cần chú ý điều gì khi đọc các VB truyện ấy.

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung : Chú ý đến nhân vật và các chi tiết miêu tả nhân vật, đối thoại của nhân vật.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

KĨ NĂNG: ĐỌC

Văn bản 1:

*Bài học đường đời đầu tiên*

*(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài).*

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Cách thứ nhất:

1. GV dùng máy chiếu chiếu trực tiếp một tình huống về trải nghiệm cuộc sống:

Tình huống như sau: Mẹ nói với An: *30/4 tới đây, con được nghỉ học thì cả nhà mình về thăm ông bà ngoại vì mấy tháng rồi, dịch bệnh chưa về quê được*.

- An: *Không. 30/4 chúng con có dự định đi chơi công viên rồi. Hôm ấy lại là ngày sinh nhật của bạn con*.

- Mẹ: *Công viên lần này con chưa tới thì lần sau con tới, còn việc về thăm ông bà thì bố mẹ đã lên kế hoạch rồi*…

- An: *Con đã bảo con không về quê. Ông bà ngày nào chẳng gọi điện lên nhà mình ạ!*

- Mẹ: (Cúi mặt, khuôn mặt lộ rõ nỗi buồn).

- An:…

*\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*

1. Em có đồng ý với lời nói và suy nghĩ của An không? Trong tình huống này, em sẽ hành động như thế nào?

2. Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.

Cách thứ 2:

- GV cho HS xem video câu chuyện về chú mèo Hello Kitty

Ở nước Nhật, có một câu chuyện cảm động về sự ra đời của chú mèo “Luôn biết lắng nghe” người khác.

- GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé?

+ Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này?

*\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.*

*\* Bước 3: Nhận xét.*

*\* Bước 4: Cùng trải nghiệm, logic vấn đề với bài học mới:*

*Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự nuối tiếc, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.*

*Hôm nay, các em sẽ được trải nghiệm về những bài học đáng quý ấy qua một truyện đồng thoại, đó là “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài.*

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

Chuẩn bị đọc: Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “Bài học đường đời đầu tiên” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*, văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”: nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… ),

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* và VB *Bài học đường đời đầu tiên* .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Trước khi Trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu đôi nét về nhà văn Tố Hoài để việc đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.

Tác giả: Tô Hoài

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Giới thiệu |
| *\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  Hãy đọc SGK trang 20 và cho biết những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài và sự nghiệp sáng tác của ông?  - Em biết những tác phẩm nào của Tô Hoài?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  \* Chiếu lên một số tác phẩm của Tô Hoài để HS quan sát:   GV bổ sung: Bút danh Tô Hoài: Để kỉ niệm và ghi nhớ về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức  - Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.  - Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư. | (1920- 2014)  Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen  - Sinh năm 1920, mất năm 2014  - Quê : Hà Nội  - Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dễ Mèn phiêu lưu kí....* |

I. Đọc, tìm hiểu chung

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết Dế mèn phiêu lưu kí được Tô Hoài sáng tác năm nào? Thuộc loại truyện gì?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - GV mở rộng: "Dế Mèn phiêu lưu kí" là một tác phẩm nổi tiếng đầu tay của nhà văn Tô Hoài được sáng tác khi ông 21 tuổi dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ vùng Bưởi quê ông. Tác phẩm có 10 chương. Chương đầu kể về lai lịch và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hai chương tiếp theo kể chuyện Dế Mèn bị bọn trẻ con đem đi chọi nhau với các con dế khác. Dế Mèn trốn thoát. Trên đường về nhà gặp chị Nhà Trò bị sa vào lưới bọn Nhện độc ác. Dế Mèn đã đánh tan bọn Nhện cứu thoát chị Nhà Trò yếu ớt. Bẩy chương còn lại kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn.  GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, giọng đầy kiêu hãnh khi miêu tả về vẻ đẹp của Dế Mèn. Đoạn trêu chị Cốc đọc với giọng hách dịch, khi kể về cái chết của chị Cốc đọc với giọng buồn, hối hận.  *\* Chuyển giao nhiệm vụ:*  *-* Đọc phân vai:  + 1HS đọc lời của Dế Mèn  + 1 HS đọc lời Dế Choắt.  + 1 HS đọc lời chị Cốc.  - Em hãy nêu ấn tượng ban đầu của mình về văn bản?  - Em hãy nêu vị trí của đoạn trích trong tác phẩm? - Kể tóm tắt.  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét giọng đọc, bổ sung việc tóm tắt  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  \* Bước 1: Chuyển giao nhiệm *vụ:* Có thể chia văn bản làm mấy phần?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức. | 1. Giới thiệu tác phẩm.  C:\Users\TBC\Desktop\tải xuống (1).jpg  “[Dế mèn phiêu lưu ký](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941) là truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới. Trong truyện, nhân vật chính là Dế Mèn, cậu đã trải qua muôn vạn cuộc phiêu lưu thử thách đầy mạo hiểm. Ở chặng đường ấy là những bài học giúp Dế Mèn trưởng thành và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chúng ta có thể đúc kết kinh nghiệm từ chính [nhân vật Dế Mèn](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html), đó là đi một ngày đàng học một sàng khôn.  2. Đoạn trích: *Bài học đường đời đầu tiên*.  a. Vị trí: Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu ký”.  b. Đọc- kể tóm tắt (theo ngôi thứ nhất).  Các sự việc chính: - Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, cử chỉ, hành động. - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Dế Mèn coi thường Dế Choắt. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  c. Bố cục: 2 phần  - Phần 1: từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.  - Phần 2: Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. |

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN.

(Sử dụng phiếu học tập số 1,2)

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA

-Xác định được ngôi kể thứ nhất, nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật Dế Mèn.

- Đánh giá được những đặc điểm cơ bản của các nhân vật Dế, hiểu được nghệ thuật miêu tả loài vật tinh tế sinh động và cách sử dụng từ ngữ đặc sắc của Tô Hoài.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ để thảo luận  \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 1 về hình dáng và tính cách của Dế Mèn theo gợi ý sau:  Gợi ý: Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.  \* Bước 2.Các nhóm thực hiện nhiệm vụ và đại diện báo cáo sản phẩm.  (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - GV bổ sung: Vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba.  LÀM VIỆC CÁ NHÂN  \* Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ: Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn như thế nào? (Những chi tiết miêu tả Dế Choắt?)  Thái độ của Dế Mèn khi Dế Choắt nhờ vả ra sao?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  *GV bổ sung, nhấn mạnh:* Tự hào về mình bao nhiêu thì Dế Mèn tỏ ra coi thường Dế Choắt bấy nhiêu. Thậm chí, Dế Mèn còn mang Dế Choắt ra làm đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình…  GV nhấn mạnh: Việc Dế Choắt muốn đào cái ngách sang nhà nhân vật “tôi” phòng khi có kẻ nào bắt nạt cho thấy Dế Choắt tự được ý thức được sức khoẻ của bản thân và nghĩ rằng Dế Mèn là người hàng xóm tốt bụng, có thể chia sẻ và giúp đỡ được mình khi hoạn nạn  Thảo luận theo cặp bàn:  *\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  + Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của?  + Việc Dế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  *\*Bước 1.GV đặt câu hỏi:* Dế Mèn trêu chị Cốc đã gây ra hậu quả gì?  - Hậu quả Dế Mèn gây ra là gì?  - Tâm trạng của Dế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Dế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  \* GV đặt tiếp câu hỏi: Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em, sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - GV đặt câu hỏi mở rộng: Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  \*GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi: Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này?  - Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?  - GV nhấn mạnh: Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời.  - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái.  Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. | II. Đọc, hiểu văn bản.  1. Nhân vật Dế Mèn.  a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.  Những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn:  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “*chú mày”* với giọng điệu khinh khỉnh..  - Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.  \* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  - Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.  Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  \* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  - Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế Choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  2. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  \* Nhận xét:  - Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi song không ác ý.  Ở đây có sự biến đổi tâm lý: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.  Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  - Sự hối hận của Dế mèn là cần thiết vì kẻ biết lỗi sẽ tránh được lỗi.  - Có thể tha thứ vì tình cảm của Dế Mèn rất chân thành.  - Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn cay đắng vì lỗi lầm của mình, xót thương Dế Choắt, mong Dế Choắt sống lại, nghĩ đến việc thay đổi cách sống của mình.  - Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - Bài học về tình thân ái, chan hòa.  - Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.  - Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua. |

Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB *“Bài học đường đời đầu tiên”*

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  + Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  + Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này?  \* GV hỏi thêm: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại:  + Nhân vật là các loài vật đã được nhân hoá: trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có các nhân vật là Dế Mèn, Dế Choắt, Chị Cốc, chị Cào Cào.  + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của loài vật:  + Ngoại hình của Dế Mèn được miêu tả bằng những chi tiết đặc trưng cho loài dế: râu, đôi càng, đôi cánh, đầu, cái răng đen.  + Hành động của Dế Mèn như đạp phanh phách lên ngọn cỏ, đào hang… | III. Tổng kết  1. Nghệ thuật:  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại.  2. Nội dung:  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ4, N1 (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

\* Bước 1.GV chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 3)

|  |  |
| --- | --- |
| Lời kể của Dế Mèn | Lời đối thoại của Dế Mèn |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ.

\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.

\* Bước 4. Chuẩn kiến thức

Dự kiến sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| Lời kể của Dế Mèn | Lời đối thoại của Dế Mèn |
| - Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm.  - Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không. | - Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.  - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?  (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt) |

Nhiệm vụ 2. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông vàng (game mini) thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

\* Bước 1: Gv phổ biến luật chơi.

- Mỗi người sẽ có 4 tấm thẻ (Mỗi tấm thẻ 1 màu)

+ Xanh: Đáp án A.

+ Đỏ: Đáp án B.

+ Tím: Đáp án C.

+ Vàng: Đáp án D

\* Bước 2. GV đọc từng câu hỏi.

\* Bước 3. HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước.

\* Bước 4. Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

Các câu hỏi như sau:

Câu 1: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 2: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 3: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 5: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

Câu 6: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 7: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 8: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: N1, V1 - GQVĐ (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

Cách 1:

\* Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.

Cách 2:

\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?

\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.

\* Gợi ý:

- Qua câu chuyện của Dế Mèn khiến chúng ta hiểu vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba của mình, có thái độ kiêu căng, tự phụ, xốc nổi. Đây cũng là những lỗi lầm dễ mắc phải ở những người tuổi mới lớn.

- Thái độ cần có trước những lỗi lầm: chúng ta phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải, phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu xót của mình.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu: TV- GQVĐ

- HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

- HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

2. Nội dung hoạt động: HS suy nghĩ để nhận biết về các loại từ chia theo cấu tạo, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh. Từ đó hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để nhận biết về cấu tạo từ Tiếng Việt

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

- Ở bậc tiểu học, trong tiếng Việt, xét theo cấu tạo, em đã được học những từ loại nào ?

- Hãy ghép các từ ở cột A với các từ ở cột B để miêu tả Dế Mèn cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| vuốt | nhọn hoắt |
| cánh | hủn hoẳn |
| người | rung rinh |
| răng | đen nhánh |
|  | bóng mỡ |
|  | ngoàm ngoạp |

+ Em có nhận xét gì về cấu tạo các từ ở cột A so với các từ ở cột B.

- HS trả lời.

- GV kết nối: Như vậy ở bậc tiểu học các em đã làm quen với từ đơn, từ ghép, từ láy. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục học sâu hơn về đặc điểm cấu tạo cũng như cách sử dụng từ ngữ này sao cho hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép, từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Từ đơn, từ phức.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:   |  |  | | --- | --- | | A | B | | vuốt | nhọn hoắt | | cánh | hủn hoẳn | | người | rung rinh | | răng | đen nhánh | |  | bóng mỡ | |  | ngoàm ngoạp |   + Trong cột B, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy? Tại sao?  + Em hãy rút ra khái niệm: từ đơn, từ phức; từ ghép- từ láy.  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | I. Từ đơn, từ phức.  1. Ví dụ  + vuốt- nhọn hoắt  + cánh- hủn hoẳn  + người- rung rinh, bóng mỡ  + răng- đen nhánh, ngoàm ngoạp  - *vuốt, cánh, người, răng* là từ đơn vì chỉ có một tiếng.  - *nhọn hoắt, hủn hoẳn, rung rinh, bóng mỡ, đen nhánh, ngoàm ngoạp* là từ phức vì có hai tiếng.  *+ nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* là từ ghép vì các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  + *hủn hoẳn, rung rinh, ngoàm ngoạp* là từ láy vì các tiếng có quan hệ láy âm (giống nhau về phụ âm đầu)  2. Kết luận:  -Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.  -Từ phức là từ có hai tiếng trở lên.  +Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép.  +Những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy. |

Nội dung 2: Nghĩa của từ

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV cho HS thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ.  - Thông thường, nghĩa của từ *nghèo* được hiểu là gì, em hãy lấy ví dụ minh họa?  -Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên* có dùng từ *nghèo sức*. Dựa vào VB, em hiểu *nghèo* trong *nghèo sức* là gì  - Vậy khi muốn tìm nghĩa của từ ngữ, cần lưu ý điều gì? (dựa vào đâu để giải thích nghĩa)  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | II. Nghĩa của từ  1.Ví dụ:  *Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà của mình thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá*.  (*Bài học đường đời đầu tiên* – Tô Hoài)  - *Nghèo*: ở tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: *Nhà nó rất nghèo, Đất nước còn nghèo)*.  - *Nghèo sức*: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường.  2. Kết luận:  - Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể dựa vào từ điển.  - Giải thích nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào từ ngữ đứng trước và từ ngữ đứng sau. |

Nội dung 3: Biện pháp tu từ so sánh

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| LÀM VIỆC CÁ NHÂN  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  - Câu văn trên đã sử dụng phép tu từ so sánh.  - Hãy chỉ ra các hình ảnh đã được người viết so sánh ?  - Dựa trên cơ sở nào mà tác giả lại so sánh hai hình ảnh ấy với nhau?  - So sánh hai cách diễn đạt sau, em thấy cách nào hay hơn? Vì sao?  *Cách 1: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu.*  *Cách 2: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*  - Em hãy rút ra khái niệm của phép tu từ so sánh?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | III. Biện pháp tu từ  1.Ví dụ:  *Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*  - Phép tu từ so sánh: *Hình dáng của Dế Choắt* với *một gã nghiện thuốc phiện*  - Phép so sánh này dựa trên điểm tương đồng (giống nhau) về ngoại hình gầy gò, yếu đuối, yếu sức.  - Tác dụng: Làm cho hình ảnh Dế Choắt hiện lên cụ thể, sinh động với dáng vẻ yếu đuối, thiếu sức sống; đồng thời thấy được cái nhìn coi thường, lạnh lùng của Dế Mèn về Dế Choắt.    2. Kết luận:  - So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diện đạt. |

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép, từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh).

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| NV1: Bài 1  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1/ Kẻ bảng/ điền từ in đậm vào ô phù hợp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ đơn | Từ phức | | |  | Từ ghép | Từ láy | | ...............  .............. | ...............  .............. | ...............  .............. |   \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả:  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  NV2:  \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS thi: Tiếp sức:  - Thời gian 5 phút  Chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm cử đại diện lần lượt lên bảng nối tiếp nhau để viết từ láy. Nhóm nào tìm được nhiều từ thì chiến thắng.  -Tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả:  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, biểu dương bằng tràng pháo tay.  NV3:  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm và nêu tác dụng của các từ láytrong các câu văn  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  NV4:  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy giải nghĩa của từ *mưa* trong các câu: *Mưa dầm sùi sụt, Điệu hát mưa dầm sùi sụt*  \*Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  NV5:  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc lại các chú thích có thành ngữ *tắt lửa tối đèn*, *ăn sổi ở thì, hôi như cú mèo* để hiểu nghĩa. Sau đó đặt câu với mỗi thành ngữ.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả:  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  NV6:  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HD tìm câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:*  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | IV. Luyện tập   |  | | --- | | Bài 1 SGK trang 20: | | Kẻ bảng vào vở và điền từ in đậm trong đoạn văn sau vào ô phù hợp. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ đơn | Từ phức | | |  | Từ ghép | Từ láy | | Tôi, nghe, người | Bóng mỡ, ưa nhìn | Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh |   Bài 2 SGK trang 20  Từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:* véo von, hừ hừ, phanh phách, phành phạch, văng vẳng, ngoàm ngoạp. | | Bài 3. SGK trang 20 | | Các từ láy: | | + Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác. | | + Ngoàm ngoạp: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh. | | + Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách. |   - Tác dụng của các từ láy*: phanh phách, ngoàm ngoạp, dún dẩy* trong các câu văn được cho là: giúp cho nhân vật Dế Mèn được hiện lên cụ thể, sinh động, nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của tuổi trẻ ở Dế Mèn. Qua đó, Dế Mèn bộc lộ niềm tự hào về chính mình.  Bài 4 SGK trang 20  Hãy giải nghĩa của từ mưa  - *Mưa dầm sùi sụt:* mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt.  - *Điệu hát mưa dầm sùi sụt:* điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.  Bài 5 SGK trang 20: Đặt câu với các thành ngữ  - Anh em ta là hàng xóm láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau.  - Việc gì anh ta làm cũng tạm bợ, không chắc chắn, ăn sổi ở thì quá.  - Cậu ta đi mưa về hôi như cú mèo ấy.  Bài 6 SGK trang 20: Câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh:  - *Hai cái răng đen nhánh của tôi lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy đang làm việc.*  - Tác dụng: So sánh hai cái răng của Dế Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhận mạnh Dế Mèn đang tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống.  - *Mỏ Cốc như cái rùi sắt, chọc xuyên cả đất.*  - Tác dụng: So sánh mỏ của chị Cốc với cái rùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt. |

Văn bản 2:

*Nếu cậu muốn có một người bạn*

(trích *Hoàng tử bé, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*)*.*

HOẠT ÐỘNG 1 : KHỞI ÐỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ.

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS về người thân thiết, từ đó tạo không khí và chuẩn bị tâm thế vào bài học mới. Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV chọn một trong 2 cách khởi động sau:

\* Cách 1.

- GV chiếu một số hình ảnh ca ngợi tình bạn đẹp.

- GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ: Hình ảnh đó nói về điều gì?

\* Cách 2.

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?

2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

Dự kiến câu trả lời của HS

1. Một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân: Tốt bụng, hiền lành, dễ gần, luôn biết suy nghĩ và giúp đỡ người khác...

- Lí do khiến cho em và bạn trở thành đôi bạn thân: Bạn luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho em, nếu em bị điểm kém thì bạn luôn dành lời động viên, an ủi em, khích lệ tinh thần để cả hai cùng cố gắng...

2. Em và bạn ấy đã làm quen với nhau khi em và bạn bắt đầu vào lớp 1. Em ngồi cùng bàn với bạn. Em và bạn nhà gần nhau...

GV dẫn dắt vào bài: Ngạn ngữ Pháp có câu rất nổi tiếng: “Ở đâu có bạn/ Ở đó có hạnh phúc!” Điều gì khiến chúng ta trở thành bạn của nhau? Tình bạn làm thay đổi cuộc sống của chúng ta ra sao? Cần đối xử như thế nào với bạn để bản thân mình hạnh phúc và cũng mang lại niềm vui cho người khác? Cô hi vọng, văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn* (trích *Hoàng tử bé, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri)* sẽ giúp các em tự trả lời cho những câu hỏi ấy!

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*, : nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… ), VB *Nếu cậu muốn có một người bạn* (nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, văn bản.

d.Tổ chức thực hiện.

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Giới thiệu |
| *\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  Hãy đọc SGK trang 29 và giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri* ?  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức | Tác giả: *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri (1900-1944) là nhà văn lớn nước Pháp*  *- Ông là phi công và hầu hết các tác phẩm của ông đều lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.*  *- Ngòi bút của nhà văn đệm chất trữ tình, trong trẻo và giàu cảm hứng lãng mạn.*  *Tác phẩm tiêu biểu: Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta,...* |

I. Đọc, tìm hiểu chung

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| NV2: Tác phẩm  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết *Hoàng tử bé* thuộc loại truyện gì? Giới thiệu khái quát về tác phẩm? (nhân vật chính, người kể chuyện, không gian bối cảnh câu chuyện?...  GV chiếu một số hình ảnh về câu chuyện  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  GV mở rộng:  + Tên *Hoàng tử bé* đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri  +Hàng tử bé được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng, đã được phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục phát hành hơn 2 triệu bản mỗi năm, được chuyển thể thành truyện tranh, phim.  + Đến nay, đã có 8 bản dịch tác phẩm *Hoàng tử bé* ra Tiếng Việt. Nhan đề VB do người biên soạn sách đặt.  NV3: Đoạn trích  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV hướng dẫn HS đọc VB.  +Hình thức đọc phân vai: một em đóng vai hoàng tử bé, một em đóng vai cáo.  + Chú ý giọng của cáo lúc đầu buồn bã, sau đó là ngạc nhiên, bất ngờ, vui vẻ, thủ thỉ, nhẹ nhàng. Giọng hoàng tử bé thân thiện, đáng yêu, chân thành.  Giải thích nghĩa của từ: cảm hóa, mắt trần, cốt lõi?  -VB Nếu cậu muốn có một người bạn nằm ở vị trí nào trong tác phẩm? VB kể lại sự việc chính gì? -VB có thuộc thể loại truyện đồng thoại không? Dựa vào đâu để em khẳng định tác phẩm là truyện đồng thoại?  -Xác định phương thức biểu đạt chính của VB?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - GV nhận xét về từng nội dung, bổ sung thêm thông tin cho đầy đủ. Ghi bảng | 1. Tác phẩm: *Hoàng tử bé*    - Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết (27 chương)  - Nhân vật chính: Hoàng tử bé  - Người kể chuyện: xưng “tôi” Một phi công bị rơi máy bay trên sa mạc Sahara và có cơ hội gặp hoàng tử bé.  - Cốt truyện: Hoàng tử bé từ hành tinh khác đã phiêu lưu nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị, và nếm trải cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng cậu quyết định quay trở lại hành tinh của mình với bông hồng duy nhất.  2. Đoạn trích: *Nếu cậu muốn có một người bạn*  a. Đọc, giải thích từ khó  b. Kể tóm tắt  c. Thể loại: Truyện đồng thoại.  d. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự  đ. Ngôi kể: thứ nhất (người kể xưng tôi).  e.Vị trí: chương XXI của tác phẩm Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho cả hai món quà quý giá. |

HOẠT ÐỘNG 3 : KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, NA

- Giúp HS hiểu được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo. Bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật.

b. Nội dung hoạt động:

- Gv sử dụng phiếu học tập cho Hs thảo luận, kết hợp làm việc cá nhân.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tìm hiểu và phân tích nhân vật Hoàng tử bé

Tìm lời đối thoại phù hợp để diền vào ô trống ở cột giữa, sau đó ghi lời nhận xét ở cột ngoài cùng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trình tự | Lời thoại/ chi tiết | Nhận xét |
| Trước khi gặp cáo | + Hoàng tử bé đến từ............  + Cậu phát hiện ra.................  + Nằm.................................... | Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo?. |
| Khi gặp cáo | -Ban đầu:...........................  - Cuộc đối thoại với cáo:......  - Cảm hóa cáo:......................  - Gặp lại vườn hồng:............ | Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo?......................................  Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào?  .........................................................  Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo?...................................................  Khi gặp lại vườn hồng, thái độ cảu hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?............................. |
| Khi chia tay con cáo | -Động viên cáo:........................  -Lặp lại lời cáo:.........................  ................................................... | Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo?............................  .................................................................. |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tìm hiểu và phân tích nhân vật cáo

*Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cảm nhận của cáo | Trước khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | Sau khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| *Khi nghe tiếng bước chân* | ............................................  ............................................ | ............................................  ............................................ |
| *cánh đồng lúa mì* | ............................................  ............................................ | ............................................  ............................................ |
| *Cuộc sống* | ............................................ | ............................................  ............................................ |

Dự kiến câu trả lời của HS

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cảm nhận của cáo | Trước khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | Sau khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| *Khi nghe tiếng bước chân* | -Chạy chốn vào lòng đất | -Ra khỏi hang, như tiếng nhạc |
| *cánh đồng lúa mì* | -Chẳng có ích gì cho mình, chẳng gợi nhớ gì cho mình... | Lúa mì óng ả sẽ làm cho mình nhớ đến bạn (mái tóc bạn vàng óng); mình sẽ thấy thích tiếng gió trên cánh đồng lúa mì |
| *Cuộc sống* | Cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi | Có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. |

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| NV1: Nhân vật hoàng tử bé  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  Tìm hiểu nhân vật hoàng tử bé: GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 3,4.  GV chiếu phiếu học tập, gọi 1 HS đọc, HS theo dõi, suy nghĩ.  GV Chia lớp thành 4 nhóm. Thời gian thảo luận 8 phút. Yêu cầu thảo thảo luận nhóm và ghi kết quả thảo luận ra phiếu  Bằng sự chuẩn bị ở nhà, theo dõi chú thích 2,3 trang 22 SGK, em hãy cho biết  - Trước khi gặp cáo, hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo?  - Khi gặp cáo:  +Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo? (Thể hện qua lời thoại/ chi tiết nào)  + Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào?  (Chỉ ra lời thoại/ chi tiết )  + Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo? (lời thoại/ chi tiết)  + Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?(lời thoại/ chi tiết)  - Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo? Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  NV2: Nhân vật con cáo  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  - Từ *cảm hóa* xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? Qua lời giải nghĩa của cáo, em hiểu *cảm hóa* là gì?  Điều gì ở hoàng tử bé khiến con cáo tha thiết mong được kết bạn với cậu?  Nếu được hoàng tử bé *cảm hóa*, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào? Qua đó, em cảm nhận như thế nào về ý nghĩa của tình bạn?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV hướng dẫn HS cảm nhận chi tiết: về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì của cáo  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc đoạn: *“Nhưng rồi nó quay lại với ý nghĩ lúc nãy...Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên cánh đồng lúa mì”*  *GV yêu cầu HS thảo luận phiếu số*  *Thời gian: 5 phút – Mỗi bàn 1 nhóm nhỏ*  *+ Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?*  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời ra phiếu  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  + Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình như thế nào?  Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học ý nghĩa về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa với em nhất?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời : HS kết nối từ bài học đến trải nghiệm của bản thân:  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  HS có thể nói về nỗi nhớ về một người bạn thân ở xa khiến em có cảm giác gần gũi, ấm áp, vui vui  \*Bước 4. Đánh giá kết quả  *GV khẳng định ý nghĩa của tình bạn. Không có sự gắn bó, yêu thương thì mọi người, mọi vật trong thế giới này sẽ hóa thành nhạt nhẽo, vô nghĩa, “ai cũng giống ai”*  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  Việc tác giả để hoàng tử bé lặp lại câu nói của cáo cho dễ nhớ có dụ ý gì? (đó là phép tu từ nào em đã học). Em cảm nhận gì về câu nói: “Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”  Cáo đã chia sẻ nhiều bài học ý nghĩa về tình bạn. Theo em đó là những bài học nào?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | II. Đọc –hiểu văn bản.  1. Cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và cáo.  a. Nhân vật hoàng tử bé  - Trước khi gặp cáo:  + Lai lịch: Đến từ một hành tinh khác. Xuống Trái Đất để tìm con người, bạn bè... *“Mình đi tìm con người...Mình đi tìm bạn bè”*  + Tâm trạng : Khi vừa đặt chân xuống Trái Đất đã phải đối diện với nỗi thất vọng, đau khổ khi nhận ra bông hồng của cậu không phải là duy nhất.  - Khi gặp cáo:  + Thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo: hoàng tử đáp lại lời chào của cáo, “Bạn là ai?”, “Bạn dễ thương quá!”  + Hoàng tử bé cư xử với cáo lịch sự, thân thiện, khác với loài người trên Trái Đất coi cáo là con vật xấu tính, ranh mãnh, gian xảo. Cái nhìn của Hoàng tử bé ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành, không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi.  + Hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo: vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ gần gũi, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau. Hoàng tử bé đã trân trọng, lắng nghe, không định kiến, hoài nghi.  + Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi: Từ đau khổ, thất vọng hoàng tử bé tự tin, vui vẻ nhận ra ý nghĩa của bông hoa hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của sự vun đắp, tưới tắm...Hay nói cách khác ý nghĩa của tình bạn.  - Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo: “ *Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”, “ Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình...”, “Mình sẽ có trách nhiệm với bông hồng của mình” .*  Hoàng tử bé hiểu được “bí mật” của tình bạn, tình yêu, vượt qua được nỗi hoang mang, đau khổ thất vọng, tìm được hạnh phúc dành thời gian và trái tim cho ai đó. Hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình gắn bó, yêu thương  b. Nhân vật con cáo  - Trước khi gặp hoàng tử bé: Cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người.  - Khi gặp hoàng tử bé:  + Lúc đầu: không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa.  + Giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa: (từ cảm hóa xuất hiện 15 lần trong VB, gắn với nhiều chi tiết, sự kiện quan trọng)  \* Cảm hóa là chuyển hóa cái hoang dã và xa lạ, pha tạp, bất thiện thành cái gần gũi, tốt đẹp, trong sạch, thiện lành...và có thể chung sống thân thiện làm bạn. Là làm cho gần gũi hơn tức là kết nối tình cảm, dành thời gian hiểu nhau, kiên nhẫn làm thân với nhau. Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ, chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì *“tụi mình cần đến nhau”*, và mỗi người sẽ *“trở thành duy nhất trên đời”*  \* Qua đó thấy nhân vật cáo khao khát được đón nhận, thấu hiểu; được sống với phần tốt lành , đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản thân.  - Chi tiết: Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa cho thấy nhờ có tình bạn của hoàng tử bé, cáo sẽ không cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi*.*Tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương ấm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé.  - Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình  - Khi chia tay hoàng tử bé, con cáo bộc lộ cảm xúc: “Mình sẽ khóc mất”. Cáo khẳng định những thứ mình “được”: “Mình được chứ - Con cáo nói - Bởi vì nó còn màu của lúa mì”   * *Có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu.* * *Cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.*   2. Những ý nghĩa gợi ra từ cuộc gặp gỡ  - Câu nói chứa đựng “bí mật” mà cáo dành cho hoàng tử bé: sử dụng hình ảnh ẩn dụ và mang ý nghĩa triết lí:  + Con người cần phải biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu, và sự tin tưởng, thấu hiểu.  + Khi chỉ nhìn *bằng con tim*, con người mới nhận ra, trân trọng giữ gìn những điều đẹp đẽ quý giá  + *Bí mật* của tình yêu là sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật.  - Bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, giành thời gian để “cảm hóa” nhau.  - Bài học về ý nghĩa của tình bạn: mang đến niềm vui, hạnh phúc; khiến cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn.  - Bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm đối với bạn bè: “thấy rõ với trái tim”, biết quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu, bảo vệ... |

III. Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa đoạn trích

b. Nội dung hoạt động:

-GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

-HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  -Qua VB Nếu cậu muốn có một người bạn, VB đã hấp dẫn người đọc ở cách xây dựng nhân vật như thế nào? Theo em nhân vật cáo có phải là nhân vật của truyện đồng thoại không, vì sao?  -Việc học văn bản giúp em nhận ra những giá trị nào về tình bạn?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | 1. Nghệ thuật  - Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc. Từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  - Nhân vật con cáo được nhân hóa như con người thể hiện đặc điểm của truyện đồng thoại.  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú. Truyện giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người...)  2. Nội dung  - Qua cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ.  - Giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương. |

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, đủ của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.































HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, V2, GQVĐ, NA.

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa tưởng tượng, hình dung của bản thân về nhân vật trong VB sau khi kết thúc VB

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  \* Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.  - Để viết được đoạn văn ngắn, em hãy xác định những yêu cầu cần về nội dung, hình thức của phần viết ngắn như thế nào?  - Các bước cần tiến hành ra sao?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời , viết  - Giáo viên: nghe, quan sát  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | 1. Đề bài  2. Yêu cầu:  - Về nội dung: Miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé, thông qua trí tưởng tượng, học sinh sáng tạo tiếp văn bản.  - Đoạn văn giới hạn số câu: khoảng 5-7 câu  3. Các bước tiến hành  - Bước 1: Hình dung, tưởng tượng bối cảnh sự việc: Cáo nhớ hoàng tử bé.  - Bước 2: Miêu tả cảm xúc của cáo thông qua: ý nghĩ về mái tóc, bước chân của hoàng tử bé. Cảm nhận được sự gần gũi ấm áp.  - Bước 3: Viết  - Bước 4: Đọc và kiểm tra lại, chia sẻ. |

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Hoạt động 1: Hình thành kiến thức:

a.Mục tiêu: TV- GQVĐ

- HS nhận biết được được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó; tích cực hóa vốn từ (đặt câu với các từ cho trước).

- HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB Nếu cậu muốn có một người bạn...

b. Nội dung hoạt động: HS Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng, biện pháp tu từ. Từ đó hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV đưa ra câu hỏi, yêu cầu HS để HS trao đổi thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ:  - Có những cách nào giúp ta hiểu được nghĩa của từ?  - Hiệu quả của việc sử dụng phép tu từ là gì? Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh trong câu : “ Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi cửa hang, như là tiếng nhạc” (*Nếu cậu muốn có một người bạn)*  - Thế nào là từ ghép, từ láy? Tìm 3 từ ghép, 3 từ láy trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn ?*  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ và thảo luận, đại diện cặp đôi trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | I. Nhắc lại lí thuyết  1. Nghĩa của từ  - Để hiểu được nghĩa của từ, có thể dựa vào từ điển, có thể đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện; đối với từ Hán Việt có thể giải nghĩa từng thành tố tạo nên từ.  2. Phép tu từ:  - Việc sử dụng phép tu từ làm cho việc diễn đạt sinh động, gợi hình, gợi cảm.  - Phép so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một âm thanh du dương, mang cảm xúc  Tác dụng: so sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặ biệt và đầy ý nghĩa.  3. Từ láy, từ ghép:  + Từ ghép là từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: *tiếng nhạc, bánh mì, vàng óng*  + Từ láy là từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) .Ví dụ: *bồn chồn, lo lắng, phàn nàn* |

HOẠT ĐỘNG 2: VẬN DỤNG - LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ nghĩa của từ, biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trongVB Nếu cậu muốn có một người bạn.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 1: Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:  *Cảm hóa:* dùng tình cảm tốt đẹp làm cho đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực.  GV cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ mỗi bàn một nhóm  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức về nghĩa của từ cho HS  Bài 2  \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 2:  GV hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa từ và phần chú thích để giải thích nghĩa của các từ: sửa soạn, trống rỗng, đơn điệu, cốt lõi, kiên nhẫn.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng  Bài 3  \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 3:  GV hướng dẫn HS sau khi hiểu nghĩa của từ đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi HS mới có thể đặt câu. Khi đặt câu theo một từ cho trước , cần lưu ý điều gì?  GV lưu ý:  - Hiểu đúng nghĩa của từ  - Sử dụng ngữ cảnh phù hợp  - Chú ý câu đủ thành phần chính chủ ngữ, vị ngữ; dấu câu kết thúc phù hợp.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  Bài 4  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân.Gv hướng dẫn HS tìm hiểu và thực hiện yêu cầu của bài tập 4: Phép tu từ điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ , trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  Bài 5  \*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân.Gv hướng dẫn HS viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn,* sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy.  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh:suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trả đọc đoạn văn. HS khác  \* Bước 4. Đánh giá kết quả  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  BT 5 không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau. | II. Luyện tập  Bài 1 SGK trang 26: Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:  Từ có yếu tố *hóa* được hiểu theo nghĩa là "trở thành, làm cho trở thành hay làm cho tính chất mà trước đó chưa có":  - Từ Hán Việt theo mô hình như từ cảm hóa: tha hóa, xã hội hóa, nhân cách hóa, đồng hóa, trẻ hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa,...  - *Tha hóa:* biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có.  - *Nhân cách hóa:* gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách như con người (một biện pháp tu từ).  - *Công nghiệp hóa*: là quá trình phát triển nâng cao tỉ trọng của ngành công nghiêp của một vùng hay một quốc gia.  Bài 2 SGK trang 26  Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong câu:  - *Sửa soạn*: chuẩn bị, sắp đặt trước để làm việc gì đó.  - *Cốt lõi:* cái chính và quan trọng nhất  - *Đơn điệu:* chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu.  - *Trống rỗng:* không chứa đựng cái gì  *- Kiên nhẫn:* bến bỉ, nhẫn nại dẫu có gặp khó khăn, trở ngại.  Bài 3 SGK trang 26: Với mỗi từ sau, hãy đặt thành một câu: đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi  - Điều cốt lõi của tình bạn là trân trọng và yêu thương lẫn, giúp đỡ nhau.  - Tôi rất kiên nhẫn mỗi khi làm bài tập.  - Cuộc sống của tôi không hề đơn điệu chút nào.  Bài 4 SGK trang 26: Những lời thoại được lặp đi lặp lại trong VB: Vĩnh biệt, Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần, chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn, bạn có trách nhiệm với bông hỗng của bạn...  Những lời thoại lặp đi lặp lại như vậy vừa có tác dụng nhấn mạnh nội dung câu nói, vừa tạo tính nhạc, chất thơ cho văn bản.  Bài 5 SGK trang 26: Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 5-7 câu  - Nội dung của đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*  - Đoạn văn sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy |

Đoạn văn tham khảo : Cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*

(1)Nhân vật hoàng tử bé trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn* là một hình ảnh vô cùng đẹp đẽ và đáng yêu, có sức hấp dẫn đối với tuổi thơ. (2)Nhà văn đã tưởng tượng ra một cuộc gặp gỡ bất ngờ của hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. (3)Hai nhân vật đều chung tâm trạng *buồn bã*, thất vọng, đau khổ gặp nhau, trò chuyện với nhau. (4)Những nét trong sáng, thân thiện của hoàng tử thể hiện ở thái độ chân thành khi đáp lại lời chào của cáo, lời khen Cáo *“cậu thật dễ thương”* và những lời đề nghị *“cậu cảm hóa mình đi!”*.(5) Cứ thế, thế giới tâm hồn của hoàng tử được chiếu sáng từ những lời giải thích của cáo về từ “cảm hóa”. (5)Chia tay cáo, hoàng tử đã tìm được ý nghĩa của tình bạn, trách nhiệm với bông hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của cuộc sống. (7) Tình bạn trong sáng*, đẹp đẽ* giữa hoàng tử bé và cáo gợi bao nhiêu ý nghĩa cho bạn đọc!

Văn bản 3:

*BẮT NẠT*

*Nguyễn Thế Hoàng Linh*

HOẠT ÐỘNG 1 : KHỞI ÐỘNG

a. Mục tiêu: N1, GQVĐ,Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS chia sẻ trải nghiệm hoặc phát biểu ý kiến về hiện tượng bắt nạt trong môi trường trường học .

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GVChiếu một vài hình ảnh, HS quan sát, suy nghĩ, nhận xét đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ:





- Những bức tranh trên gợi cho em nghĩ đến hành vi nào? Em nghĩ gì về hành vi ấy?

- Nếu bị bạn bắt nạn, em sẽ làm gì?

HS bày tỏ, chia sẻ.

GV nêu vấn đề: “ Bắt nạt” hành vi khá phổ biến trong tuổi học trò. Đơn giản thì dành của bạn cây bút, quyển sách, món đồ, đáng lo hơn là những lời nói dọa nạt, những lần động chân, động tay. Mức độ ảnh hưởng của hành vi bắt nạn thì cũng đáng kể. Nhiều bạn HS rơi vào tâm trạng lo lắng, hoang mang, thậm chí sợ hãi. Nói đến chuyện bắt nạt, có lẽ chỉ ở các giờ học ngoại khóa, các tiết trải nghiệm thôi. Ấy thế mà nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh lại viết thành thơ các em ạ.

Trước một hành động rất xấu xí ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở mỗi chúng ta cần làm gì? Chúng ta cùng khám phá bài thơ!

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

Nội dung 1: Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ, NA, TN.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả Nguyễn Thế Hoàng Linh, nhận biết được sự khác nhau giữa VB truyện và VB thơ, nhận biết được chủ đề, nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ. Có nhận thức đúng đắn về hành vi bắt nạt.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện .

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Thế Hoàng Linh

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| NV1: Tác giả  *\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  Hãy đọc SGK trang 27 và giới thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh  -Em biết những tác phẩm nào của nhà thơ?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.GV chiếu một số hình ảnh về một số tập thơ của tác giả  NV2: Tác phẩm  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn HS đọc VB: giọng đọc tâm tình, gần gũi, dứt khoát.  GV chỉ định một số HS đọc bài thơ.  Chú ý một số từ cần giải thích nghĩa như: híp- hóp, mù tạp?  Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết VB *Bắt nạt* thuộc loại gì? Giới thiệu khái quát về tác phẩm? (Bài thơ được rút ra từ tập thơ nào, thể thơ gì)  Nhân vật “tớ” là ai? Nhân vật tớ có vai trò gì trong bài thơ ?  Khác với VB truyện, VB thơ tác giả viết nhằm mục đích gì (bày tỏ tình cảm, cảm xúc trước hiện tượng, ...)  Nhân vật “tớ” là ai?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó  HS trình bày xuất xứ bài thơ, đặc điểm về thể thơ, chủ đề, bước đầu tìm hiểu nhân vật trữ tình trong bài thơ.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  - GV nhận xét, hỗ trợ HS cách đọc thơ: ngoài đọc to rõ ràng, cần chú ý đến giọng điệu tâm tình của bài thơ, ngắt nhịp phù hợp để toát lên tâm tư, thái độ của người viết  - GV nhấn mạnh về sự khác biết giữa VB truyện và Vb thơ:  VB truyện có đặc điểm cơ bản:dùng phương thức tự sự kể lại chuỗi sự việc (có nhân vật, sự việc, cốt truyện, nhằm thể hiện ý nghĩa bài học cụ thể)  VB thơ có vần điệu, thể hiện qua ngôn từ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh,...nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết (thông qua nhân vật trữ tình) | Tác giả: Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năn 1982, quê ở Hà Nội, là một nhà thơ trẻ, sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, anh có hàng ngàn bài thơ  - Thơ anh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, vui tươi  - Các tập thơ: Uống một ngụm nước biển, Bé tập tô, Ra vườn nhặt nắng...  I. Đọc, tìm hiểu chung  1. Đọc, chú thích  2. Tìm hiểu chung  - Xuất xứ: In trong tập thơ: , Ra vườn nhặt nắng, sáng tác năm 2017  - Thể thơ: 5 chữ  - Chủ đề: Hiện tượng bắt nạt  - Nhân vật trữ tình: Tác giả xưng “tớ”  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm. |

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, NA

-Giúp HS hiểu được thái độ của nhân vật tớ , ý vị hài hước của bài thơ

b. Nội dung hoạt động:

-Gv sử dụng kĩ thuật mảnh ghép cho Hs thảo luận.

-HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân .

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của Gv và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm :  Nhân vật "tớ" trong bài thể hiện thái độ như thế nào với các bạn bắt nạt và bị bắt nạt?  - Tìm những câu thơ thể hiện thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạn? -Cách đề cập vấn đề của nhân vật tớ có gì đặc sắc (cách xưng hô, giọng thơ, cách nói...của nhân vật tớ)?  - Cụm từ “*đừng bắt nạt”* được xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Đó là phép tu từ gì, tác dụng của phép tu từ ấy?  Từ đó, em hãy nhận xét về thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạt? Em có đồng tình với thái độ đó không?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS suy nhĩ, thảo luận nhóm để tìm kiếm, viết câu trả lời ra phiếu  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung: Đại diện một số nhóm đứng lên trình bày. Nhóm khác nghe, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  GV: HS bày tỏ quan điểm: Có thể đồng tình/ hoặc không đồng tình. Hs được tự do tranh luận. Tuy nhiên, GV cần hướng tới thái độ sống tích cực, thân thiện, bao dung với người bắt nạt. Bởi vì, họ cũng cần được giúp đỡ về tâm lí.  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu. HS chia sẻ cặp đôi  Trong bài thơ, tác giả chỉ ra đối tượng bị bắt nạt là ai? Tìm những câu thơ thể hiện thái độ của nhân vật *tớ* với người bị bắt nạt? Đó là thái độ gì? Em có đồng tình với thái độ đó không?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS đọc thầm VB. Tìm dữ liệu. Suy nghĩ và trao đổi cặp đôi  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung: Đại diện HS bày tỏ, chia sẻ  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn HS nêu những biểu hiện của tiếng cười, nét hài hước trong bài thơ.  HS đọc VB. Bài thơ nói chuyện bắt nạt ẩn chứa ý vị hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý vị hài hước đó?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS suy nghĩ  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  HS trả lời, nhận xét, bày tỏ  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức. | II. Đọc – hiểu văn bản  1.Thái độ của nhân vật tớ  a.Với các bạn bắt nạt  Những câu thơ bày tỏ thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạt:  - *Bắt nạt là xấu lắm*  *- Bất cứ ai trên đời/Đều không cần bắt nạt.*  *- Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi*  + Cách xưng hô: *“tớ- bạn”, gọi “bạn ơi”* tạo giọng thơ tâm tình, trò chuyện*.*  *+* Câu hỏi dí dỏm, hài hước*: “Sao không nhảy híp- hóp?”, “Sao không ăn mù tạp?”*  *+* Cụm từ *“đừng bắt nạt”* nhiều lần lặp đi lặp lại trong bài thơ. Phép điệp ngữ “đừng bắt nạt” là lời nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ định với thói xấu bắt nạt.  \* Nhân vật tớ bày tỏ thái độ đối với các bạn bắt nạt rấtthẳng thắn, phủ nhận một cách dứt khoát, mạnh mẽ chuyện bắt nạt.Coi đó là việc xấu xí, không nên làm.  \* Tuy nhiên, nhân vật tớ không dùng cách lên án kịch liệt mà ngược lại thái độ cởi mở, thân thiện.  b. Với các bạn bị bắt nạt  - Người bị bắt nạt có thể là tất cả mọi người, mọi sự vật, mọi thứ  - Thái độ về người bị bắt nạt: “ *Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/Trông đáng yêu đấy chứ”.* Dùng hình ảnh so sánh người bị bắt nạt với “*thỏ non*” thể hiện thái độ gần gũi, tôn trọng và yêu mến  - Thái độ bênh vực: *“Bạn nào bắt nạt bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu thích bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay”*  2. Ý vị hài hước của bài thơ  - Bắt nạt là một thói xấu, có thể gây tổn thương, nỗi sợ hãi, ám ảnh, thậm chí cả hậu quả nặng nề nhưng bài thơ lại nói bằng giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện  - Cách nói hài hước, dí dỏm, hình ảnh thơ ngộ nghĩnh: “*Sao không ăn mù tạp/ Đối diện thử thách đi”*  *“Tại sao lại không hát/ Nhảy híp hóp cho hay”.*  - Lí giải hồn nhiên, phù hợp tâm lí trẻ thơ: Bắt nạt “*rất hôi”, “dễ lây”* tạo ra tiếng cười nhẹ nhàng, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn thân thiện, bao dung và tinh thần đối thoại. Bởi vì không chỉ người bị bắt nạt cần bảo vệ, mà người bắt nạt cũng cần được giúp đỡ. |

III. Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sán phẩm |
| Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  Đọc bài thơ, em thấy tác giả muốn nhắn gửi thông điệp gì?  Đồng thời giúp em hiểu gì vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh?  Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ như thế nào?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS có cái nhìn khái quát về giá trị của bài thơ  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  (ghi bảng) | III. Tổng kết  1. Nội dung:  - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Từ đó giúp mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.  - Tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ.  2. Nghệ thuật:  - Thể thơ 5 chữ  - Hình ảnh thơ ngộ nghĩnh.  - Giọng thơ hài hước, dí dỏm, tâm tình, gần gũi, tạo không khí thân thiện, khiến người nghe dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn bao dung |

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, đủ của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng), nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS suy nghĩ  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  HS trả lời, nhận xét, bày tỏ  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  GV hướng HS tới thái độ sống tích cực, đúng đắn. | Yêu cầu:  - Về nội dung: HS bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng bắt nạt trong học đường.  Gợi ý:  + Hiện tượng bắt nạt trong học đường là hiện tượng đáng chê/ tiêu cực, cần loại bỏ.  + Tại sao? Lí giải những hậu quả đối với người bị bắt nạt, người bắt nạt, mọi người.  + Cần xây dựng môi trường học đường AN TOÀN, HẠNH PHÚC.  - Đoạn văn giới hạn số câu: khoảng 5-7 câu |

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, V2, GQVĐ, NA, TN. HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  GV cho HS thảo luận nhóm ( chia lớp thành 4 nhóm); thời gian 5 phút  Nội dung thảo luận: Câu hỏi 5 SGK trang 33  - Tình huống bị bắt nạt: Em im lặng, chịu đựng, chống đối lại kẻ bắt nạt hay tìm sự giúp đỡ từ bạn bè, thầy cô, người thân?  - Tình huống chứng kiến chuyện bắt nạt: em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?  -Tình huống là kẻ bắt nạt: Em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là một cách khẳn định bản thân hay nhận ra đó là hành vi xấu cần loại bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi ngườ bị bắt nạt?  \* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.  HS suy nghĩ, thảo luận, HS bày tỏ quan điểm cá nhân. Qua bài học, các em thể vẽ tranh, viết kịch bản ngắn và đóng kịch ...sau khi học xong văn bản, hướng tới các tình huống em đã trải qua, hoặc chứng kiến chuyện bắt nạt.  \*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.  HS trả lời, nhận xét, bày tỏ  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  GV hướng HS tới thái độ sống tích cực, đúng đắn. | Thái độ ứng xử của HS trong các tình huống thực tiễn:  - Tình huống bị bắt nạt:  - Tình huống chứng kiến chuyện bắt nạt:  - Tình huống là kẻ bắt nạt |

Qua bài học, các em thể vẽ tranh, viết kịch bản ngắn và đóng kịch ...hướng tới các tình huống em đã trải qua, hoặc chứng kiến chuyện bắt nạt để gửi găm suy nghĩ, quan điểm về chuyện bắt nạt.

VIẾT

Viết bài văn kể về một trải nghiệm của em

a. Mục tiêu: V1, GT-HT, GQVĐ

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết bài, chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

\* Hoạt động 1: Hoạt động khởi động

+ GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm mà các em đã viết ở bài 1.

+ GV dẫn dắt: Trong VB Bài học đường đời đầu tiên các em đã được học, nhân vật Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào? (HS bộc lộ: Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ là Dế mèn đã trêu chị Cốc và gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt. Từ đó, Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên).

Còn các em, nếu kể lại một trải nghiệm của bản thân, em sẽ kể câu chuyện gì? Hãy nhớ lại một câu chuyện đã xảy ra, có ý nghĩa với em ? (gọi 1 ,2 HS bày tỏ, chia sẻ)

\* Hoạt động 2: Tìm hiểu các yêu cầu của bài văn

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:  \* Bước 1:GV giao nhiệm vụ:  + Theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì?  \* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  \* Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung  \* Bước 4: Chuẩn kiến thức: về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. Đây cũng là yêu cầu theo đặc trưng của một bài văn tự sự. | 1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. |

Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN  \*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Đây là câu chuyện kể về một kỉ niệm buồn mất đi người bạn nhỏ của người kể.  GV yêu cầu 1 đến 2 HS đọc nối tiếp văn bản tham khảo.  GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu thể hiện của bài viết kể về một lần trải nghiệm.  - Vì sao em biết câu chuyện này được kể ở ngôi thứ nhất?  - Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?  - Bài viết tập trung kể vào sự việc nào?  - Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc được kể?  - Dòng nào, đoạn nào chỉ ra lí do trải nghiệm đó có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ, và hành động?  \*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  \*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận  +HS trả lời câu hỏi  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  \*Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng. | 2. Phân tích bài tham khảo: Người bạn nhỏ  \* Bước 1: Đọc văn bản Trải nghiệm buồn của tôi  - Đọc lại tác phẩm truyện cần kể lại.  - Xem xét các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).  \* Bước 2: Nhận xét, phân tích các yêu cầu cụ thể:  + Ngôi kể: thứ nhất vì người kể chuyện xưng “tôi”:  + Mở bài: Phần đầu đã giới thiệu *trải nghiệm cùng người bạn nhỏ ấy là câu chuyện đáng nhớ với cả ba mẹ con tôi.*  + Sự việc chính:      - Từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc: buồn, khóc, chẳng ai quên được Mun |

Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: HS xác định được mục đích viết (kể lại trải nghiệm); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.





|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào? |  |
| Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? |  |
| Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào? |  |
| Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? |  |
| + Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại |  |

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN  Bước 1: GV giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằng kĩ thuật công não.  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình theo nhiều cách:hình dung, tưởng tượng, sử dụng kỉ vật, phỏng vấn...  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các  -Hướng dẫn HS viết nháp, viết theo trí nhớ...  GV cho HS xây dựng theo phiếu học tập số : Phiếu tìm ý  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | 3. Viết bài: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.  Bước 1: Chọn lựa đề tài  Bước 2: Tìm ý ( điền phiếu tìm ý)  + Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào?  + Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì?  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  + Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?  + Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?  *- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:*  + Mở bài: Giới thiệu câu chuyện  + Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian,không gian...)  + Kết bài: Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.  \* Bước 3: Viết  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình. |

Trả bài:

a. Mục tiêu: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

b. Nội dung: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

c. Sản phẩm: Bài viết của mỗi học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn chia sẻ một trải nghiệm.  \*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  \*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận  \*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.  Chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | *Bước 4*: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.*  \* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết.  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng

cách trả lời các câu hỏi sau:

1.Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

..............................................................................................................................

2.Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa?(Nếu chưa,

hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

..............................................................................................................................

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.............................................................................................................................

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.)

.............................................................................................................................

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu

hay đoạn cần lược bỏ.)

............................................................................................................................

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ

các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

............................................................................................................................

NÓI VÀ NGHE

KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

a. Mục tiêu: HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân (tiếp nối bài 1 Tôi và các bạn).

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

c. Sản phẩm: Nội dung bài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

KĨ NĂNG: NÓI VÀ NGHE

(KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM)

Trước hoạt động (Khởi động)

a. Mục tiêu: tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS nghe một giọng kể chuyện trích you tobe .

c. Sản phẩm: Nhận xét của HS về giọng kể, cách sử dụng ngôn ngữ của người kể

d. Tổ chức thực hiện

- GV mở youtobe cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện ?

- GV giao nhiệm vụ: Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Vào bài (kĩ năng nói và nghe).

Trong hoạt động

Trước khi nói:Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm (YC) |
| Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?    : Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận  Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.    -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | 1. Chuẩn bị nội dung nói  Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói (trình bày).  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.  Bước 3: Luyện tập và trình bày.  Bước 4:Trao đổi, đánh giá.  \* Bảng tự kiểm tra bài nói.   |  |  | | --- | --- | | Nội dung kiểm tra | Đạt/  chưa đạt | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể. |  | |

2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ . Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm (YC) |
| Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | 2. Trình bày bài nói |

3. Trao đổi về bài nói

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phiếu đánh giá bài nói .

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm (YC) |
| \* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công  \* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  \* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | 3. Đánh giá bài nói |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ | | | |
| NHÓM............................ | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện đểkể nhưng chưa hay | Câu chuyện hay và ấn tượng |
| 2. Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| Tổng: ................/10 điểm | | | |

CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG (1t)

Trước hoạt động (Khởi động)

a. Mục tiêu: tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: Hs chia sẻ kinh nghiệm của mình.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe, suy nghĩ, chia sẻ.

d. Tổ chức thực hiện

Các em ạ, việc đọc đối với mỗi chúng ta là vô cùng quan trọng, đọc giúp chúng ta mở mang hiểu biết, trau dồi vốn ngôn ngữ, hoàn thiện tâm hồn. Các em đã tự đọc được những câu chuyện nào, những bài thơ nào rồi nhỉ. Sau khi thầy/ cô đã hướng dẫn các em cách khai thác từng thể loại truyện, thơ...Tiết học hôm nay, chúng ta cùng chia sẻ về kết quả của việc đọc mở rộng ở nhà nhé!

HS chia sẻ về các tác phẩm mà em đã đọc ở nhà.

HS tiếp nhận nhiệm vụ

GV nhân xét, đánh giá

Trong hoạt động: Đọc mở rộng

a. Mục tiêu:

- HS trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp, HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kĩ năng được học ở bài 1, để tự đọc những văn bản truyện đồng thoại có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các văn bản đã học.

- HS hiểu được nội dung cơ bản của văn bản đã đọc, trình bày được một số yếu tố của truyện (người kể chuyện, xác định được đặc điểm của truyện đồng thoại. Chỉ ra được đặc điểm nhân vật thông qua các yếu tố miêu tả ngoại hình, hành động suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời nói.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm trao đổi cảm nhận về nhân vật ở VB đọc ở nhà, đại diện nhóm trình bày.

c. Sản phẩm: Nội dung trình bày về VB tự đọc , phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm (YC) |
| \*Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Chia lớp làm 4 nhóm, . Sau đó các nhóm thảo luận để thống nhất trình bày  - Đối với văn bản truyện:  + Người kể chuyện là ai?  + Chỉ một số đặc điểm giúp em nhận biết đó là truyện đồng thoại.  + Nhân vật: Câu chuyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong câu chuyện gồm những ai? Ai là nhân vật chính?  + Liệt kê chi tiết tiêu biểu để tác giả miêu tả đặc điểm nhân vật thông qua các yếu tố miêu tả ngoại hình, hành động suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác, lời nói.  - Cảm nhận về đặc điểm của nhân vật?  \* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công  \* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: Một số HS đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét.  \* Bước 4: Nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét chung, khen ngợi những em đã có cố gắng thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nguồn tài liệu. | Giới thiệu truyện đồng thoại yêu thích.  - Ngôi kể:  - Đặc điểm truyện đồng thoại:  - Nhân vật:( điền thông tin vào bảng \*)  - Cảm nhận chung về nhân vật |

|  |  |
| --- | --- |
| Ngoại hình:  .....................................................  ..................................................... | Suy nghĩ hành động  .....................................................  ..................................................... |
| Lời nói:  .....................................................  ..................................................... | Mối quan hệ với các nhân vật khác  .....................................................  ..................................................... |

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ BÀI HỌC

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ.  - Đề bài.Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* nhờ Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra bài học cho mình. Trong đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn* ...cáo bày tỏ nếu được kết bạn với hoàng tử bé, cuộc đời cáo sẽ thay đổi như thể được mặt trời chiếu sáng. Hãy kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè.(có thể giao về nhà) \* HS thực hiện nhiệm vụ.  \* Báo cáo kết quả.  \* Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | 1. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè  2. Tìm ý.    - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được về một thay đổi tích cực của bản thân .  - Lí do của sự thay đổi: Tập trung vào sự việc đã xảy ra gắn với một kỉ niệm về tình bạn (Kỉ niệm vui, hay buồn, người bạn đã có hành động, lời nói, việc làm nào để giúp em thay đổi tích cực).  -Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. |

Nhiệm vụ về nhà:

- Học bài.

- Làm bài tập 1, 2, SGK trang 91

- Chuẩn bị bài mới: Quê hương yêu dấu

THỰC HÀNH ĐỌC: NHỮNG NGƯỜI BẠN

*(Trích Tôi là Bê-tô, Nguyễn Nhật Ánh)*

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Tóm tắt được văn văn một cách ngắn gọn.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

Thực hành đọc

Trước khi hướng dẫn HS thực hành đọc văn bản, GV cùng HS tìm hiểu đôi nét về tác giả Nguyễn Nhật Ánh.

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| NV1: Tác giả  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hãy nêu ngắn gọn những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Nhật Ánh? - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh? Đặc biệt là những tác phẩm viết cho thiếu nhi?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.  \* Bước 3. Nhận xét.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức một cách ngắn gọn.  VN2: Văn bản  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  HS đọc văn bản ở nhà. Đến lớp chỉ tóm tắt một cách ngắn gọn.  -Văn bản “Những người bạn” trích trong tác phẩm nào? Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm?  - Văn bản kể về điều gì? Em hãy tóm tắt sự việc chính.  - Chỉ ra những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản Những người bạn?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.  - Học sinh: suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình  - Giáo viên: quan sát, gọi nhận xét  \* Bước 3. Báo cáo kết quả: HS trình bày kết quả. HS nghe nhận xét, đánh giá  \* Bước 3. Nhận xét.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức.  Các nhân vật  \* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:  - Tìm những chi tiết về lời đối thoại, cử chỉ, hành động của hai nhân vật Lai-ca và Bi-nô  - Cảm nhận, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về hai người bạn?  - Thông điệp về tình bạn mà em cảm nhận được từ văn bản?  \* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.  \* Bước 3. Nhận xét.  \* Bước 4. Chuẩn kiến thức. | Tác giả    Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, sinh năm 1955, quê Quảng Nam  -là nhà văn được độc giả lứa tuổi thiếu nhi yêu thích.  -Tác phẩm tiêu biểu: Kính vạn hoa, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Cho tôi một vé đi tuổi thơ, Mắt biếc...   1. Xuất xứ:     VB “Những người bạn” trích truyện “Tôi là Bê-tô”. Truyện kể về cuộc sống của chú cho Bê-tô cung hai người bạn là Lai-ca và Bi-nô. Chủ của Bi-nô và Bê-tô là chị Ni, còn Lai-ca sống ở nhà bà cố chị Ni.  2, Đọc, tóm tắt  - Đoạn trích “Những người bạn” được trích từ chương 4 và 5 kể về tình cảm yêu mến và gắn bó của Bê-tô dành cho Lai- ca và Bi-nô  - Người kể chuyện trong VB là Bê tô- kể ngôi thứ nhất, xưng “tôi”.  - Nhân vật: Bê-tô, Lai-ca, Bi-nô  3. Thể loại: Truyện đồng thoại  4. Nhân vật  a. Nhân vật Lai-ca:  b. Nhân vật Bi-nô  \* Cảm nhận, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về hai người bạn    5. Nghệ thuật xây dựng văn bản  - Ngôi kể thứ 1, Bê-tô kể lại cảm xúc, suy nghĩ của mình về những người bạn tạo ra cái nhìn trong trẻo, hồn nhiên về người bạn, và về cuộc sống phù hợp với tâm lí trẻ thơ.  - Giọng kể gần gũi, tự nhiên, thân thiện, dí dỏm, hài hước, lôi cuốn.  - Chi tiết trong truyện rất gần gũi, đời thường, giản dị.  - Nhân hóa con vật có tâm tư cảm xúc như con người. |

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Sách giáo khoa Ngữ văn – Kết nối tri thức với cuộc sống.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 vừa tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

IV. RÚT KINH GHIỆM GIỜ